**Chuyên đề 5:**

**NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI**

**1. Đăng ký nuôi con nuôi**

**ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI**

**2. Đăng ký lại việc nuôi con nuôi**

**3. Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài**

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**1. Điều kiện đối với người được nhận làm con nuôi**:

**Người được nhận làm con nuôi là:**

- Trẻ em dưới 16 tuổi

- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Được cha dượng, mẹ kế nhận làm con nuôi;

+ Được cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi.

\* Một người chỉ được làm con nuôi của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

**2. Điều kiện đối với người nhận con nuôi**:

**- Người nhận con nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây:**

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

+ Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên (Trừ trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi);

+ Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi (Trừ trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi);

+ Có tư cách đạo đức tốt.

**- Những người sau đây không được nhận con nuôi:**

+ Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;

+ Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;

+ Đang chấp hành hình phạt tù;

+ Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thanh niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em.

- Trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì không áp dụng quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

**3. Về sự đồng ý cho làm con nuôi**:

- Việc nhận nuôi con nuôi phải được sự đồng ý của cha mẹ đẻ của người được nhận làm con nuôi; nếu cha đẻ hoặc mẹ đẻ đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không xác định được thì phải được sự đồng ý của người còn lại; nếu cả cha mẹ đẻ đều đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc không xác định được thì phải được sự đồng ý của người giám hộ; trường hợp nhận trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên làm con nuôi thì còn phải được sự đồng ý của trẻ em đó.

- Người đồng ý cho làm con nuôi theo quy định trên phải được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhận hồ sơ tư vấn đầy đủ về mục đích nuôi con nuôi; quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi; quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ đẻ và con sau khi người đó được nhận làm con nuôi.

**4. Các hành vi bị cấm nuôi con nuôi:**

- Lợi dụng việc nuôi con nuôi để trục lợi, bóc lột sức lao động, xâm hại tình dục; bắt cóc, mua bán trẻ em.

- Giả mạo giấy tờ để giải quyết việc nuôi con nuôi.

- Phân biệt đối xử giữa con đẻ và con nuôi.

- Lợi dụng việc cho con nuôi để vi phạm pháp luật về dân số.

- Lợi dụng việc làm con nuôi của thương binh, người có công với cách mạng, người thuộc dân tộc thiểu số để hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước.

- Ông, bà nhận cháu làm con nuôi hoặc anh, chị, em nhận nhau làm con nuôi.

- Lợi dụng việc nuôi con nuôi để vi phạm pháp luật, phong tục tập quán, đạo đức, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

**II. THỦ TỤC ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI**

***1. Thẩm quyền đăng ký:***

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi thường trú của người được giới thiệu làm con nuôi hoặc của người nhận con nuôi đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước.

- Trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi.

- Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa chuyển vào cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi, thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản xác nhận tình trạng trẻ em bị bỏ rơi thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi.

- Ttrường hợp trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi, thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng thực hiện đăng ký việc nuôi con nuôi.

***2. Thành phần hồ sơ:***

**a) Hồ sơ của người nhận con nuôi** gồm có:

-Đơn xin nhận con nuôi;

- Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế;

- Phiếu lý lịch tư pháp;

- Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân;

- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

- Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp.

**\*Lưu ý:** *Phiếu lý lịch tư pháp, giấy khám sức khỏe, văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi có giá trị sử dụng nếu được cấp chưa quá 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã.*

**b) Hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi trong nước** gồm có:

- Giấy khai sinh;

- Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp;

- Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng;

- Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự;

- Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng.

2. Cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ lập hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi sống tại gia đình; cơ sở nuôi dưỡng lập hồ sơ của trẻ em được giới thiệu làm con nuôi sống tại cơ sở nuôi dưỡng.

***3. Trình tự đăng ký***: Trong thời hạn 30 ngày.

- Người nhận con nuôi phải nộp hồ sơ của mình và hồ sơ của người được giới thiệu làm con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được giới thiệu làm con nuôi thường trú hoặc nơi người nhận con nuôi thường trú.

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ; trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, tiến hành xong việc lập ý kiến của những người quy định tại Điều 21 của Luật Nuôi con nuôi.

Việc lấy ý kiến phải lập thành văn bản và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người được lấy ý kiến.

Những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến.

Ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi, giao - nhận con nuôi: 05 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý.

Việc đăng ký nuôi con nuôi được tiến hành tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã. Khi đăng ký nuôi con nuôi, cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ, người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng và người được nhận làm con nuôi phải có mặt, công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi cho các cho cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng, tổ chức giao nhận con nuôi.

**III. THỦ TỤC ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC NUÔI CON NUÔI**

***1. Điều kiện đăng ký lại việc nuôi con nuôi:***

Việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam, nhưng cả Sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ đăng ký nuôi con nuôi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được, thì được đăng ký lại, nếu cả cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại.

***2. Thẩm quyền đăng ký:***

a) Đối với trường hợp trẻ em mồ côi không có người nuôi dưỡng hoặc trẻ em có cha mẹ đẻ, người thân thích nhưng không có khả năng nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi, nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được nhận làm con nuôi thường trú;

*b) Đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi, nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi;*

c) Đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa chuyển vào cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi, nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản xác nhận tình trạng trẻ em bị bỏ rơi;

d) Đối với trường hợp trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi, nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng;

***3. Thành phần hồ sơ:***

*- Giấy tờ xuất trình:* Giấy tờ tùy thân của người đăng ký; Giấy chứng minh nơi cư trú của cha mẹ nuôi và con nuôi; giấy tờ tùy thân của cha mẹ nuôi và con nuôi.

*- Giấy tờ phải nộp:* Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi.

Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Sở Tư pháp không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi đó, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng.

***4. Trình tự thực hiện:***

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký và cấp cho người yêu cầu đăng ký lại 01 bản chính Giấy chứng nhận nuôi con nuôi.

Đối với trường hợp đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thì Giám đốc Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký Quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài để cấp cho người yêu cầu đăng ký lại.

Trong mục ghi chú của bản chính Giấy chứng nhận nuôi con nuôi, Quyết định cho trẻ em Việt Nam làm con nuôi nước ngoài và Sổ đăng ký nuôi con nuôi phải ghi rõ là đăng ký lại.

**IV.** **GHI VÀO SỔ ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI VIỆC NUÔI CON NUÔI ĐÃ ĐƯỢC GIẢI QUYẾT TẠI CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NƯỚC NGOÀI**

1. Việc nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam với nhau hoặc giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thì được ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi trong các trường hợp sau:

a) Việc nuôi con nuôi đã được giải quyết theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước nơi giải quyết việc nuôi con nuôi cùng là thành viên;

b) Việc nuôi con nuôi đã được giải quyết theo quy định pháp luật của nước ngoài, trừ trường hợp vi phạm những nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Thẩm quyền, thủ tục ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

Đối với trường hợp nuôi con nuôi được giải quyết theo quy định tại tiết a điểm 1 Mục này, thì ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 49 của Luật hộ tịch, hồ sơ còn phải có văn bản chứng nhận việc nuôi con nuôi đã được thực hiện phù hợp với điều ước quốc tế của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

**V. HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ LƯU TRỮ SỔ, MẪU GIẤY TỜ, HỒ SƠ NUÔI CON NUÔI**

**I. VỀ** BIỂU MẪU SỔ ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI, GIẤY TỜ NUÔI CON NUÔI

1. Bộ Tư pháp in và phát hành:

Sổ đăng ký nuôi con nuôi và Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước *(gồm bản chính có nội dung, bản chính - phôi, không có nội dung).*

2. UBND cấp xã, người yêu cầu đăng ký hộ tịch tự in, sử dụng: 1. Trích lục nuôi con nuôi trong nước (Bản sao); 2. Đơn xin nhận con nuôi trong nước; 3. Đơn đăng ký nhu cầu nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi trong nước; 4. Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi; 5. Báo cáo tình hình phát triển của con nuôi trong nước; 6. Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi; 7. Biên bản giao nhận con nuôi; 8. Văn bản lấy ý kiến đồng ý của cha, mẹ đẻ, người giám hộ về việc cho con làm con nuôi; 9. Văn bản thể hiện ý kiến đồng ý của người đứng đầu cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi; 10. Văn bản lấy ý kiến đồng ý của trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên về việc làm con nuôi; 11. Văn bản thông báo về việc không tìm được gia đình thay thế trong nước cho trẻ em.

3. UBND cấp huyện tự in sử dụng

1.Trích lục ghi vào sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; 2. Trích lục ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (Bản sao).

***Ngày 29/9/2023, Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số* 07/2023/TT-BTP *sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi, Thông tư này có hiệu lực kể từ ng2y 30/11/2023, theo đó:***

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi

1. Sửa đổi điểm c và bổ sung điểm đ, điểm e vào khoản 1 Điều 3 như sau:

“c) 16 mẫu giấy tờ dùng cho việc đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài (Phụ lục 3);

đ) Nội dung các mẫu điện tử tương tác về đăng ký nuôi con nuôi trực tuyến (Phụ lục 5);

e) Bản điện tử Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước (Phụ lục 6)”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Việc in, phát hành Sổ đăng ký nuôi con nuôi, bản chính có nội dung và bản chính - phôi không có nội dung của Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước, Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam, Giấy chứng nhận việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài phù hợp Công ước La Hay số 33 được thực hiện theo quy định pháp luật.”

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số quy định của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi

1. Bổ sung Phụ lục 5 và Phụ lục 6.

2. Thay thế cụm từ “Cục Con nuôi” tại khoản 3 Điều 7 bằng cụm từ “Bộ Tư pháp”.

3. Thay thế biểu mẫu, phụ lục như sau:

a) Thay thế mẫu Sổ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam tại Phụ lục 1 bằng mẫu Sổ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Thay thế Phụ lục 2, Phụ lục 3 và Phụ lục 4 bằng Phụ lục 2, Phụ lục 3 và Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Bãi bỏ cụm từ “Cục Con nuôi,” tại khoản 5 Điều 2 và khoản 1 Điều 5.

*\* Mẫu Trích lục hộ tịch và mẫu Tờ khai đăng ký hộ tịch được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp (tại địa chỉ:*[*www.moj.gov.v*](http://www.moj.gov.vn/)*n), cơ quan đăng ký hộ tịch có thể truy cập, tự in để sử dụng./.*